



Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2026

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý
ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND THÀNH PHỐ**

Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách; cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến, đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách; cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến:

- Ngày 29/5/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản số 6174/SNNMT-CCPTNT về việc đăng tải lấy ý kiến tổ chức, cá nhân về hồ sơ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Thời gian xin ý kiến: ngày bắt đầu: 01/6/2026; ngày kết thúc: 10/6/2026.

- Ngày 04/6/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản số 6440/SNNMT-CCPTNT về việc lấy ý kiến Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách, cơ chế, chính sách thực hiện CTMT QG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng gửi xin ý kiến của các cơ quan, tổ chức gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; các sở, ngành thành phố; Công an thành phố; Bộ Chỉ huy quân sự thành phố; Thống kê thành phố; Ủy ban nhân dân các xã; Ủy ban nhân dân 03 phường (Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi và Trần Liễu) và Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải và Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Đến nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nhận được 93 ý kiến lần 1 (trong đó: có 86 cơ quan có ý kiến nhất trí; 07 cơ quan có ý kiến tham gia đề nghị chỉnh sửa, bổ sung dự thảo Nghị quyết); 15 ý kiến tham gia lần 2 (trong đó: có 14 cơ quan có ý kiến nhất trí; 01 cơ quan có ý kiến tham gia đề nghị chỉnh sửa, bổ sung dự thảo Nghị quyết).

2. Kết quả cụ thể như sau:

I. Danh sách các cơ quan tham gia ý kiến dự thảo

TT	Đơn vị	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Ý kiến
A	VĂN BẢN XIN Ý KIẾN LẦN I			
I	Ý kiến của các sở, ngành			
1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố	792/MTTQ-BTT	12/6/2026	Có ý kiến tham gia
2	Sở Tài chính	5566/STC-TCHCSN	16/6/2026	Có ý kiến tham gia
3	Sở Nội vụ	3234/SNV-CCHC&PC	15/6/2026	Nhất trí
4	Sở Tư pháp	2728/STP-XDVB	11/6/2026	Có ý kiến tham gia
5	Sở Khoa học và Công nghệ	2336/SKHCHN-HTS&CNg	09/6/2026	Có ý kiến tham gia
6	Sở Ngoại vụ	1663/NV-VP	05/6/2026	Nhất trí
7	Sở Y tế	6336/SYT-KHTC	10/6/2026	Nhất trí
8	Thanh tra thành phố	1438/TTTP-NV9	09/6/2026	Nhất trí
9	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	3439/SVHTTDL-QLVHGD	10/6/2026	Nhất trí
10	Sở Xây dựng	6157/SXD-QHKT	09/6/2026	Nhất trí
11	Sở Công Thương	3231/SCT-NL	12/6/2026	Nhất trí
12	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	4190/BCH-HCKT	09/6/2026	Nhất trí
13	Ban Quản lý khu Kinh tế thành phố	3304/BQL-TNMT	16/6/2026	Nhất trí
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	3540/SGDĐT-QLCL	11/6/2026	Nhất trí
15	Công an thành phố	7549/CAHP-PV01	15/6/2026	Nhất trí
II	Các đơn vị trực thuộc Sở NN&MT			
16	Ban Quản lý cảng cá, bến cá	195/BQLCC-PNV	25/6/2026	Nhất trí
17	Văn phòng Sở	134/VP	25/6/2026	Nhất trí
18	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	678/CCTTBVTV-NV	24/6/2026	Nhất trí
19	Trung tâm Quan trắc môi trường	178/TTQTMT-TVDV	24/6/2026	Nhất trí
20	Chi cục Quản lý tài nguyên nước và Phòng chống thiên tai	1012/CCTNNPCTT-TL	24/6/2026	Nhất trí
21	Ban Quản lý rừng và Khuyến Nông	330/BQLRKN-PKTTN	24/6/2026	Nhất trí

TT	Đơn vị	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Ý kiến
22	Phòng Quản lý môi trường	751/QLMT	24/6/2026	Nhất trí
23	Chi cục Kiểm lâm	636/CCKL-TCHC	23/6/2026	Nhất trí
24	Văn phòng Đăng ký đất đai	1251/VPĐKĐ-HCTH	25/6/2026	Nhất trí
	XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU			
25	xã An Hưng	1071/UBND-KT	18/6/2026	Nhất trí
26	xã An Khánh	1282/UBND-KT	18/6/2026	Nhất trí
27	xã An Trường	1459/UBND-KT	05/6/2026	Nhất trí
28	xã An Lão	1309/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
29	xã Kiên Thụy	1581/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
30	xã Kiên Minh	2110/UBND-KT	17/6/2026	Nhất trí
31	xã Kiên Hải	1618/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
32	xã Kiên Hưng	1792/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
33	xã Nghi Dương	1423/UBND-KT	08/6/2026	Nhất trí
34	xã Quyết Thắng	1550/UBND-KT	10/6/2026	Nhất trí
35	xã Tiên Lãng	1653/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
36	xã Tân Minh	1109/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
37	xã Tiên Minh	969/UBND-KT	09/6/2026	Nhất trí
38	xã Chân Hưng	825/UBND-KT	08/6/2026	Nhất trí
39	xã Hùng Thắng	1597/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
40	Vĩnh Bảo	1482/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
41	xã Nguyễn Bình Khiêm	1141/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
42	xã Vĩnh Am	980//UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
43	xã Vĩnh Hải	1169/UBND-KT	14/6/2026	Nhất trí
44	xã Vĩnh Hòa	1142/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
45	xã Vĩnh Thịnh	1922/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
46	xã Vĩnh Thuận	1319/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
47	xã Việt Khê	1353/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí

TT	Đơn vị	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Ý kiến
48	xã Nam An Phú	880/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
49	xã Nam Sách	2127/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
50	xã Thái Tân	894/UBND-KT	06/6/2026	Nhất trí
51	xã Trần Phú	1155/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
52	xã Hợp Tiến	1323/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
53	xã An Phú	1509/UBND-KT	08/6/2026	Nhất trí
54	xã Thanh Hà	1295/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
55	xã Hà Tây	1165/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
56	xã Hà Bắc	1672/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
57	xã Hà Nam	1209/UBND-KT	04/6/2026	Nhất trí
58	xã Hà Đông	1236/UBND-KT	16/6/2026	Nhất trí
59	xã Mao Điền	1202/UBND-KT	14/6/2026	Nhất trí
60	xã Cẩm Giàng	1580/UBND-KT	08/6/2026	Nhất trí
61	xã Cẩm Giang	1302/UBND-KT	13/6/2026	Nhất trí
62	xã Tuệ Tĩnh	1296/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
63	xã Kê Sặt	1063/UBND-KT	09/6/2026	Nhất trí
64	xã Bình Giang	1307/UBND-KT	09/6/2026	Nhất trí
65	xã Thượng Hồng	973/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
66	xã Gia Lộc	1282/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
67	xã Yên Kiêu	1361/UBND-KT	19/6/2026	Nhất trí
68	xã Gia Phúc	1196/UBND-KT	17/6/2026	Nhất trí
69	xã Trường Tân	1162/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
70	xã Tứ Kỳ	1246/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
71	xã Tân Kỳ	1245/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
72	xã Đại Sơn	1411/UBND-KT	05/6/2026	Nhất trí
73	xã Chí Minh	1159/UBND-KT	14/6/2026	Nhất trí
74	xã Lạc Phượng	1427/UBND-KT	10/6/2026	Có ý kiến tham gia

TT	Đơn vị	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Ý kiến
75	xã Nguyên Giáp	1371/UBND-KT	10/6/2026	Nhất trí
76	xã Ninh Giang	1103/UBND-KT	08/6/2026	Nhất trí
77	xã Vĩnh Lại	1154/UBND-KT	09/6/2026	Có ý kiến tham gia
78	xã Khúc Thừa Dụ	1533/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
79	xã Tân An	1043/UBND-KT	12/6/2026	Nhất trí
80	xã Hồng Châu	933/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
81	xã Thanh Miện	1302/UBND-KT	10/6/2026	Nhất trí
82	xã Bắc Thanh Miện	995/UBND-KT	11/6/2026	Nhất trí
83	xã Hải Hưng	1757/UBND-KT	09/6/2026	Nhất trí
84	xã Nguyễn Lương Bằng	1436/UBND-KT	07/6/2026	Nhất trí
85	xã Nam Thanh Miện	1565/UBND-KT	18/6/2026	Nhất trí
86	xã Phú Thái	1403/UBND-KT	10/6/2026	Nhất trí
87	xã Lai Khê	1427/UBND-KT	10/6/2026	Nhất trí
88	xã An Thành	751/UBND-KT	16/6/2026	Có ý kiến tham gia
89	xã Kim Thành	906/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
90	Đặc khu Cát Hải	3247/UBND-KT	15/6/2026	Nhất trí
91	Phường Trần Liễu	1167/UBND-KT,HT&ĐT	08/6/2026	Nhất trí
92	Phường Nguyễn Trãi	747/UBND-KTHT&ĐT	12/6/2026	Nhất trí
93	Phường Trần Hưng Đạo	1010/UBND-KTHT&ĐT	08/6/2026	Nhất trí
B	VĂN BẢN XIN Ý KIẾN LẦN II			
I	Ý kiến của các sở, ngành			
1	Hội Nội dân thành phố	277-CV/HNDT	29/6/2026	Nhất trí
2	Sở Xây dựng	7089/SXD-QHKT	29/6/2026	Nhất trí
3	Sở Ngoại vụ	1962/NV-VP	29/6/2026	Nhất trí
II	Các xã, phường, đặc khu			
4	xã Cẩm Giàng	1854/UBND-KT	29/6/2026	Nhất trí
5	xã Đường An	1298/UBND-KT	29/6/2026	Nhất trí

TT	Đơn vị	Số, ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Ý kiến
6	xã Quyết Thắng	1774/UBND-KT	29/6/2026	Nhất trí
7	xã Kiên Thụy	2068/UBND-XDNNMT	29/6/2026	Nhất trí
8	xã Tân An	1161/UBND-KT	29/6/2026	Nhất trí
9	xã Tứ Kỳ	1419/UBND-KT	29/6/2026	Nhất trí
10	xã Hà Nam	1427/UBND-KT	29/6/2026	Nhất trí
11	xã Hồng Châu	1054/UBND-KT	29/6/2026	Nhất trí
12	phường Trần Liễu	1393/UBND-KT,HT&ĐT	29/6/2026	Nhất trí
13	xã Vĩnh Lại	1331/UBND-KT	29/6/2026	Có ý kiến tham gia
14	xã Nguyên Giáp	1570/UBND-KT	30/6/2026	Nhất trí
15	Xã Kiến Minh	2315/UBND-KT	30/6/2026	Nhất trí

II. Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia dự thảo Nghị quyết

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
1	Mặt trận Tổ quốc thành phố	1. Tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết nêu “...diện tích còn lại không đủ điều kiện hình thành thửa đất theo quy định...”, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét sửa đổi, bổ sung thành “...diện tích còn lại không đủ điều kiện hình thành thửa đất theo quy định về diện tích tối thiểu được phép tách thửa hiện hành của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ...”;	Tiếp thu, chỉnh sửa như sau: Trường hợp diện tích đất ở còn lại sau khi hộ gia đình, cá nhân tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại mà không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định của pháp luật đất đai mà người dân có nhu cầu tặng cho cả phần diện tích đất ở còn lại đó thì được hỗ trợ như sau: a) Ngân sách thành phố hỗ trợ bằng tiền cho hộ gia đình, cá nhân tương ứng với giá trị toàn bộ diện đất đã tặng cho. Mức hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường về đất theo quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. b) Ưu tiên xem xét giao đất ở mới không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
			nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai.	
		2. Tại điểm b khoản 1 Điều 4 dự thảo Quy định nêu “Tiêu chí trình độ phát triển: Xã, đặc khu có tỷ lệ hộ nghèo trên 0% được tính: 25 điểm;”. Việc xác định điểm còn mang tính cào bằng dẫn đến việc phân bổ nguồn lực không được tập trung, trọng tâm, trọng điểm; đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, nghiên cứu xác định điểm theo số hộ nghèo thuộc địa phương (Ví dụ: Xã, đặc khu có hộ nghèo dưới 10 hộ được tính 10 điểm; từ trên 10 hộ đến 20 hộ được tính 20 điểm; trên 20 hộ được tính 25 điểm).	2. Đã lược bỏ tiêu chí này trong Nghị quyết	
2	Sở Tài chính	1. Tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Quy định: “Phân bổ hỗ trợ thực hiện các nội dung, nhiệm vụ sau: Thực hiện công tác tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp, kinh phí quản lý thực hiện Chương trình các cấp; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng nông thôn mới; quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng; ...”. Đối với việc phân bổ hỗ trợ thực hiện nội dung, nhiệm vụ quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng hình thành từ Chương trình nông thôn mới: Ngày 19/12/2025, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 240/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì hệ thống chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	Đã lược bỏ nội dung này trong Nghị quyết. Nội dung phân bổ vốn chi thường xuyên của Chương trình được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 60/TT-BTC ngày 31/5/2026 hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		Đối chiếu với quy định, hệ thống điện chiếu sáng hình thành từ Chương trình nông thôn mới thuộc chung hệ thống chiếu sáng công cộng, cấp xã thực hiện quản lý, vận hành theo phân cấp. Do vậy, việc tách riêng công tác quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng hình thành từ Chương trình nông thôn mới có phù hợp và thuận tiện để cấp xã thực hiện hay không? Đề nghị cơ quan soạn thảo tham vấn ý kiến của Sở Xây dựng đối với nội dung này để xác định cụ thể. 2) Tại Điều 5 dự thảo Quy định: - Tại khoản 1 “Nội dung phân bổ vốn chi thường xuyên ngân sách thành phố” quy định trong dự thảo danh mục có nhiều nội dung chi, có nguy cơ chồng lấn với nhiệm vụ chi chuyên ngành hoặc chi sự nghiệp khác. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét cơ cấu lại thành nhóm chi (Chi quản lý, điều hành Chương trình; Chi hỗ trợ duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí Nông thôn mới; Chi hỗ trợ phát triển sản xuất và kinh tế nông thôn;...) đảm bảo không trùng lặp, chồng lấn sang nhiệm vụ khác trên địa bàn thành phố	Đã lược bỏ nội dung này trong Nghị quyết. Nội dung phân bổ vốn chi thường xuyên của Chương trình được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 60/TT-BTC ngày 31/5/2026 hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030	
2	Sở Tài chính	Tại khoản 2, khoản 3 “2. Tổng mức vốn sự nghiệp phân bổ cho các sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã không vượt quá 15% tổng vốn đầu tư phát triển giao trực tiếp thực hiện Chương trình được cấp có thẩm quyền quyết định (bao gồm kinh phí quản lý Chương trình quy định tại khoản 3 Điều này). 3. Kinh phí quản lý điều hành Chương trình được trích tối đa 1,5% nguồn ngân sách chi thường xuyên hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình.”	Giai đoạn 2021-2025: Bố trí 183,17 tỷ đồng vốn chi thường xuyên cho Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thành phố Hải Phòng bố trí (bao gồm cả Hải Phòng và Hải Dương (cũ)). - Giai đoạn 2026-2030, Chương trình MTQG tích hợp 03 MTQG Nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, Phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Các nội dung của Chương trình MTQG giảm nghèo bền	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cơ sở pháp lý, căn cứ thực tiễn để xác định tỷ lệ % bố trí kinh phí tại nội dung nêu trên.	vững và Chương trình MTQG Phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chủ yếu sử dụng vốn chi thường xuyên để thực hiện các nội dung thành phần. Do đó, phần kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Chương trình dự kiến tăng tối thiểu gấp 03 lần so với riêng vốn sự nghiệp bố trí cho chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025. Vì vậy, đề xuất bố trí vốn chi thường xuyên cho thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 không quá 15% vốn đầu tư phát triển.	
5	Sở Khoa học và Công nghệ	1. Về dự thảo Nghị quyết: - Đề nghị cơ quan chủ trì xác định hình thức của Nghị quyết là quy định trực tiếp hay ban hành Quy định để bố cục, trình bày lại các nội dung theo mẫu số 17 hoặc mẫu số 18 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. - Đề nghị lược bỏ các văn bản viện dẫn trong phần căn cứ ban hành: + Văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật: Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15, Nghị quyết số 424 /NQ-CP, Quyết định số 417/QĐ- BNNMT. + Văn bản quy phạm pháp luật không có nội dung liên quan trực tiếp đến nội dung dự thảo Nghị quyết: Nghị quyết số	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		76/2025/UBTVQH15, Nghị quyết số 202/2025/QH15, Nghị quyết số 190/2025/QH15.		
6	UBND xã An Thành	Để chính sách đi vào cuộc sống UBND xã đề nghị thay đổi một số từ để thuận tiện cho công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trong quá trình thực hiện. Ngân sách thành phố hỗ trợ tiền sử dụng đất khi giao đất ở mới đối với các hộ gia đình, cá nhân sau khi tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng các công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới mà “diện tích còn lại không đủ điều kiện hình thành thửa đất theo quy định” (không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã có đất tặng cho). Đề nghị đổi thành... “diện tích còn lại không đủ điều kiện để xây dựng nhà ở, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở”. Quy định rõ cơ chế thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030 để người dân dễ hiểu, dễ áp dụng thực hiện.	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung	
6	UBND xã Vĩnh Lại	Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung hoặc xem xét trong quá trình xác định điểm phân bổ vốn các yếu tố phản ánh khối lượng quản lý thực tế của địa phương như số lượng thôn, khu dân cư; quy mô hệ thống giao thông nông thôn cần quản lý, duy tu; số lượng công trình hạ tầng công cộng và nhu cầu đầu tư hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới hiện đại. Việc bổ sung các tiêu chí này sẽ góp phần bảo đảm phân bổ nguồn lực sát thực tế, công bằng và hiệu quả hơn giữa các địa phương.	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung theo hướng: qui định tiêu chí tính điểm phân bổ vốn theo các nhóm tiêu chí: đối tượng xã; theo mục tiêu về đích xây dựng nông thôn mới; theo mức độ thiếu hụt hạ tầng thiết yếu.	
		Đối với cơ chế phân cấp cho cấp xã: UBND xã Vĩnh Lại thống nhất với chủ trương tăng cường phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung theo hướng quy định thứ tự ưu tiên đầu tư, lĩnh vực ưu tiên đầu tư... Các nội dung khác về trình tự xây dựng danh mục dự án, cơ chế điều chỉnh kế hoạch	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		tiết nguồn vốn Chương trình trên địa bàn theo quy định của dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu ban hành hướng dẫn thống nhất về trình tự xây dựng danh mục dự án, nguyên tắc xác định thứ tự ưu tiên đầu tư, cơ chế điều chỉnh kế hoạch vốn trong quá trình thực hiện và hệ thống biểu mẫu quản lý, báo cáo nhằm tạo thuận lợi cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện, bảo đảm thống nhất trên phạm vi toàn thành phố.	vốn trong quá trình thực hiện và hệ thống biểu mẫu quản lý, báo cáo thực hiện theo Luật đầu tư công, Luật quản lý Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.	
		Đối với cơ chế lồng ghép nguồn vốn. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu quy định cụ thể hơn trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong quá trình lập kế hoạch, phân bổ, quản lý và quyết toán nguồn vốn lồng ghép; đồng thời hướng dẫn rõ phương pháp xác định tỷ lệ đóng góp của từng nguồn vốn đối với các công trình, dự án thực hiện lồng ghép để thuận lợi cho công tác thanh tra, kiểm tra, quyết toán sau này.	Nội dung này được thực hiện Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ.	
7	UBND xã Lạc Phụng	Đối với nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, chuyển đổi số và xây dựng nông thôn mới hiện đại. Đề nghị tiếp tục ưu tiên bố trí nguồn lực cho các hoạt động phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, xây dựng mã số vùng trồng, phát triển sản phẩm OCOP, nâng cao năng lực hợp tác xã nông nghiệp và hỗ trợ chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn. Đồng thời đề nghị quan tâm hỗ trợ đầu tư hạ tầng số, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nông nghiệp, xây dựng mô hình nông nghiệp thông minh và ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành chương trình xây dựng nông thôn mới ở cấp xã.	Các nội dung này thực hiện theo qui định tại Thông tư 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026. Nguồn kinh phí chi thường xuyên của Chương trình (Điều 5 Quy định kèm theo)	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		Đối với chính sách hỗ trợ người dân hiến đất xây dựng công trình giao thông nông thôn. Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định hoặc hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, trình tự xác định giá trị tài sản được hỗ trợ; cơ chế thẩm định, phê duyệt kinh phí; trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm thống nhất trong áp dụng và hạn chế phát sinh vướng mắc tại cơ sở.	Hồ sơ, trình tự xác định giá trị tài sản được hỗ trợ; cơ chế thẩm định, phê duyệt kinh phí; trách nhiệm của các cơ quan liên quan... thực hiện theo các quy định của pháp luật về đất đai	
8	Sở Tư pháp	1. Về nội dung dự thảo a) Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1 Nghị quyết và Điều 1 Quy định kèm theo Nghị quyết), dự thảo quy định: "Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng". Cách quy định về phạm vi điều chỉnh như trên là nhắc lại toàn bộ tên gọi của Nghị quyết, chưa đảm bảo quy định tại Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; Nghị quyết này vừa quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 vừa quy định nội dung khác. Do đó, đề nghị chỉnh lý theo hướng nêu đầy đủ các nội dung theo đúng quy định nêu trên; có thể tách từng nội dung thành các khoản riêng cho rõ ràng.	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung	
8		Điều 4 dự thảo Nghị định quy định về chính sách đặc thù trong thực hiện xây dựng nông thôn mới... có một số vấn đề như sau: - Quy định chưa phân định rõ các nội dung về đối tượng, điều kiện, nội dung, mức hỗ trợ. Có các đoạn trình bày trong ngoặc	- Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung. Quy định cụ thể như sau (Điều 7 Quy định kèm theo)	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	Sở Tư pháp	đơn "()" được in nghiêng, không rõ đây là quy định hay giải thích thêm cụ thể cho các quy định ở trước. Đề nghị bố cục lại các quy định trên, có thể chia thành các điểm để thể hiện rõ các nội dung về đối tượng, điều kiện, nội dung, mức hỗ trợ. Nội dung quy định được trình bày thống nhất bằng kiểu chữ đứng; không có phân giải thích thêm cho các quy định. - Đối với chính sách hỗ trợ tiền sử dụng đất tại khoản 2: + Theo quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành thì cá nhân được giao đất ở thông qua 02 hình thức: (1) giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất; (2) giao đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Trường hợp giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất thì phải thuộc đối tượng và đủ điều kiện theo quy định; các trường hợp khác phải thông qua đấu giá quyền sử dụng đất. Quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo nêu trên chưa rõ, việc hỗ trợ tiền sử dụng đất khi giao đất ở mới là giao bằng hình thức nào? Trường hợp này có thuộc trường hợp được giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hay không? Đề nghị thuyết minh làm rõ. + Quy định "diện tích còn lại không đủ điều kiện hình thành thửa đất theo quy định" là không phù hợp với quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 vì theo pháp luật đất đai hiện hành không có quy định về diện tích đất không đủ điều kiện hình thành thửa đất mà chỉ có quy định về diện tích tối thiểu được phép tách thửa. Do đó, đề nghị chỉnh lý, sử dụng từ ngữ cho phù hợp với quy định của pháp luật Đất đai.	Điều 7. Quy định chính sách đặc thù trong thực hiện nâng cấp, mở rộng đường giao thông theo tiêu chí nông thôn mới 1. Ngân sách thành phố hỗ trợ bằng tiền đối với giá trị của tài sản, vật kiến trúc phải tháo dỡ gắn liền với đất của người sử dụng đất tự nguyện tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại. Mức hỗ trợ bằng 100% giá trị thiệt hại của tài sản, vật kiến trúc được xác định theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất. 2. Trường hợp diện tích đất ở còn lại sau khi hộ gia đình, cá nhân tặng cho quyền sử dụng đất để xây dựng, mở rộng công trình giao thông theo tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại mà không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định của pháp luật đất đai mà người dân có nhu cầu tặng cho cả phần diện tích đất ở còn lại đó thì được hỗ trợ như sau: a) Ngân sách thành phố hỗ trợ bằng tiền cho hộ gia đình, cá nhân tương ứng với giá trị toàn bộ diện đất đã tặng cho. Mức hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường về đất theo quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm tặng cho quyền sử dụng đất về bồi thường khi nhà	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
			nước thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. b) Ưu tiên xem xét giao đất ở mới không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai.	
	Sở Tư pháp	Khoản 4 Điều 4 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết quy định về phương pháp xác định mức phân bổ vốn cho từng địa phương:.. Quy định này có một số vấn đề như sau: - Đoạn lời dẫn sau tên Điều 4 nêu: "Vốn ngân sách thành phố phân bổ cho các xã, phường, đặc khu thực hiện Chương trình theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg. Mức điểm phân bổ vốn cho từng địa phương như sau:...". Tuy nhiên, khoản 4 quy định về phương pháp xác định mức phân bổ là chưa thống nhất. Đề nghị chỉnh lý cho thống nhất. - Quy định cách xác định tổng điểm nêu trên viện dẫn đến các điểm được phân bổ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 4. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 4 cũng quy định về mức điểm phân bổ. Như vậy, việc viện dẫn là chưa đầy đủ. - Hai công thức nêu trên sử dụng từ ngữ chưa chính xác, chưa phân biệt: giữa tổng điểm phân bổ ngân sách cho từng xã, phường, đặc khu với tổng điểm phân bổ ngân sách cho tất cả các xã, phường, đặc khu; giữa tổng vốn ngân sách phân bổ cho từng xã, phường, đặc khu để thực hiện Chương trình với tổng vốn ngân sách thành phố phân bổ cho tất cả các xã, phường, đặc khu để thực hiện Chương trình. Do đó, hai công thức không thể hiện được các nội dung cần tính toán khác nhau mà là phép đảo lại của phép	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung, cụ thể phương pháp xác định và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố cho các địa phương (tại Điều 4 khoản 4 Quy định kèm theo Nghị quyết). Phương pháp xác định và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố cho các địa phương a) Định mức vốn của một điểm $V_{BQ} = \frac{V}{T_p}$ Trong đó: V_{BQ} là định mức vốn đầu tư công của một điểm; V là tổng vốn đầu tư công bố trí trực tiếp cho Chương trình giai đoạn 2026-2030;	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		tính nhân, chia. Đề nghị chỉnh lý, sử dụng từ ngữ cho chính xác, phân biệt các rõ các nội dung như đã nêu trên	T_{tp} là tổng số điểm của các địa phương xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí phân bổ vốn tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này. b) Mức vốn phân bổ cho mỗi xã $V_i = V_{\text{BQ}} \times T_i$ Trong đó: V_i là mức vốn phân bổ cho xã i; V_{BQ} là định mức vốn đầu tư công của một điểm; T_i là tổng số điểm của xã i theo các tiêu chí phân bổ vốn. d) Căn cứ vào tổng mức vốn đầu tư công ngân sách thành phố của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao và các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ được quy định tại Nghị quyết này để phân bổ cho các địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình. Hằng năm, căn cứ lộ trình, mục tiêu, nhiệm vụ hoàn thành xây dựng nông thôn mới của từng xã theo kế hoạch được phê duyệt, nhu cầu vốn thực tế và khả năng cân đối nguồn lực của ngân sách thành phố để bố trí và tập trung nguồn vốn đầu tư công phù hợp giữa các năm.	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
			đ) Vốn đầu tư công ngân sách thành phố cân đối bổ sung thêm cho Chương trình để bố trí thêm cho các xã không thuộc kế hoạch xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 nhưng có khả năng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030. Vốn bổ sung của mỗi xã = $V_{BQ} \times \text{số điểm bổ sung của mỗi xã}$. Tổng vốn được bổ sung của thành phố được tính bằng tổng số vốn bổ sung của các xã có khả năng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.	
		Khoản 1 Điều 5 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết về nội dung phân bổ vốn chi thường xuyên ngân sách thành phố. - Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 257/2025/QH15 quy định: "Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình này và các chương trình mục tiêu quốc gia khác phù hợp với địa phương, bảo đảm không trùng lặp nội dung, đối tượng; sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả"; không giao Hội đồng nhân dân thành phố quy định về nội dung phân bổ. Theo tên gọi và phạm vi điều chỉnh của dự thảo cũng không xác định nội dung quy định này. Do đó, đề nghị giải trình, làm rõ cơ sở pháp lý xác định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố được quy định về nội dung phân bổ. Nếu có cơ sở thì điều chỉnh tên gọi, phạm vi điều chỉnh cho phù hợp. Nếu không có cơ sở, đề nghị bỏ.	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
		- Gạch đầu dòng thứ hai quy định: "Hàng năm, trên cơ sở đề xuất nhu cầu vốn của các sở, ban, ngành thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt". Nội dung này là không thống nhất với tiêu đề của khoản. Đề nghị chỉnh lý cho thống nhất.		
	Sở Tư pháp	Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản a) Tên Nghị quyết là "Nghị quyết quy định..." (Nghị quyết quy định trực tiếp). Tuy nhiên, theo cách trình bày của dự thảo thì Nghị quyết vừa có nội dung quy định trực tiếp, vừa ban hành Quy định kèm theo Nghị quyết. Theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và mẫu số 17, 18 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP thì có 02 hình thức ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, việc soạn thảo văn bản cần tuân thủ theo đúng mẫu văn bản đối với từng trường hợp b) Bố cục của toàn bộ dự thảo không phù hợp với quy định tại Điều 63 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Phần III Mục 1 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Đề nghị rà soát, chỉnh lý bố cục trình bày của dự thảo theo đúng quy định. c) Phần căn cứ pháp lý, đề nghị: - Sửa căn cứ các Luật thành "Căn cứ Luật... số"; "Căn cứ Luậtsố được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số..." - Bỏ các căn cứ pháp lý không phù hợp với quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP d) Đề nghị rà soát, chỉnh lý phần nơi nhận cho chính xác và phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Ban hành văn bản quy	Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung, trình bày Nghị quyết theo mẫu số 18 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	

TT	Đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình	Ghi chú
	Sở Tư pháp	phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Điều 7 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và Phụ lục I kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; cụ thể như sau: - Sửa "Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp)" thành "Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp". - Bổ sung "Sở Tư pháp" (tách riêng) đ) Khoản 1 Điều 6 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết sử dụng dấu "..." để thay cho ngôn ngữ tiếng Việt là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và khoản 1 Điều 60 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Đề nghị chỉnh lý, sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt để diễn đạt nội dung quy định cho rõ ràng, tránh việc sử dụng quy định tùy nghi trên thực tế. e) Đề nghị rà soát, chỉnh lý việc viện dẫn văn bản trong dự thảo cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP)	- Tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung	
		g) Dự thảo quy định kèm theo Nghị quyết sử dụng từ ngữ viết tắt không phù hợp với quy định tại Điều 60 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP		